

BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM

LỚP : 35CCD7 - 35CCD7

| STT | MSSV       | Họ Và Tên     |      | ĐTB  | Xếp Loại | Sức bền vật liệu (TC) | Cơ học kết cấu (TC) | Vật liệu xây dựng (TC) | Kết cấu công trình (TC) | Đồ án Kết cấu công trình (TC) | Trắc địa (TC) | Thực hành trắc địa (TC) | Cơ học đất – Địa chất (TC) | Thủy lực – Thủy văn (TC) | Nền móng (TC) | Đồ án Nền - Móng (TC) | Thiết kế Đường Ô-tô (TC) | Đồ án Thiết kế Đường (TC) | Pháp luật đại cương (TC) | Kinh tế xây dựng (TC) | Tin học đại cương (TC) | Điện kỹ thuật (TC) | Máy xây dựng (TC) | Toán ứng dụng 1 (TC) | Vật lý đại cương (TC) |
|-----|------------|---------------|------|------|----------|-----------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------|--------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
|     |            |               |      |      |          | 4.0                   | 4.0                 | 3.0                    | 4.0                     | 1.0                           | 3.0           | 2.0                     | 4.0                        | 2.0                      | 3.0           | 1.0                   | 4.0                      | 1.0                       | 2.0                      | 2.0                   | 3.0                    | 2.0                | 2.0               | 4.0                  | 4.0                   |
| 1   | 3571011465 | Nguyễn Hồ Anh | Ngọc | 7,04 | KHA      | 5.9                   | 8.3                 | 6.4                    | 9.1                     | 8.0                           | 6.3           | 7.0                     | 8.5                        | 8.9                      | 8.4           |                       | 5.7                      | 7.0                       | 6.4                      | 5.3                   | 9.3                    | 6.2                | 8.3               | 7.0                  | 6.2                   |
| 2   | 3571011468 | Phạm Văn      | Hà   | 4,97 | YEU      | 1.9                   | 4.7                 | 5.4                    | 6.7                     | 4.0                           | 2.1           | 5.0                     | 6.4                        | 6.8                      | 4.0           |                       | 5.1                      | 6.0                       | 5.3                      | 4.1                   | 6.4                    | 6.4                | 6.2               | 6.0                  | 8.2                   |
| 3   | 3571011471 | Trần Quang    | Nhật | 6,13 | TBKHA    | 6.5                   | 4.1                 | 5.7                    | 6.2                     | 5.0                           | 4.6           | 5.0                     | 8.0                        | 7.8                      | 3.6           |                       | 7.2                      | 5.0                       | 6.0                      | 2.0                   | 5.9                    | 8.0                | 7.6               | 9.2                  | 6.5                   |
| 4   | 3571011481 | Châu Triệu    | Vỹ   | 4,27 | YEU      | 2.0                   | 4.0                 | 5.5                    | 5.5                     | 6.0                           | 2.6           | 6.0                     | 7.9                        | 8.5                      | 3.3           |                       | 2.7                      |                           | 5.2                      |                       | 4.9                    | 3.0                | 7.6               | 2.2                  | 6.0                   |
| 5   | 3571011491 | Phạm Nhật     | Tân  | 6,77 | TBKHA    | 7.2                   | 8.8                 | 6.9                    | 7.8                     | 7.0                           | 7.2           | 5.0                     | 8.3                        | 8.5                      | 6.9           |                       | 7.8                      | 7.0                       | 6.6                      | 4.2                   | 5.8                    | 7.4                | 8.3               | 5.0                  | 6.9                   |
| 6   | 3571011497 | Nguyễn Văn    | Ngà  | 5,63 | TB       | 3.9                   | 6.3                 | 5.4                    | 4.4                     | 5.0                           | 6.5           | 5.0                     | 6.6                        | 6.1                      | 6.3           |                       | 5.0                      | 5.0                       | 3.6                      | 1.4                   | 7.4                    | 7.1                | 7.6               | 5.4                  | 5.0                   |
| 7   | 3571011499 | Nguyễn Anh    | Tài  | 6,08 | TBKHA    | 4.4                   | 2.4                 | 6.0                    | 6.4                     | 6.0                           | 7.5           | 6.0                     | 8.0                        | 7.7                      | 5.7           |                       | 6.1                      | 5.0                       | 5.2                      | 4.2                   | 6.2                    | 7.0                | 8.3               | 5.2                  | 6.1                   |
| 8   | 3571011503 | Đỗ Quang      | An   | 3,85 | KEM      | 2.7                   |                     |                        |                         |                               |               |                         |                            |                          |               |                       |                          |                           | 6.0                      |                       | 4.6                    | 5.6                |                   | 2.9                  | 5.2                   |
| 9   | 3571011507 | Nguyễn Văn    | Biển | 6,50 | TBKHA    | 6.5                   | 6.2                 | 6.4                    | 7.2                     | 8.0                           | 7.4           | 6.0                     | 7.0                        | 7.1                      | 6.7           |                       | 4.9                      | 5.0                       | 7.3                      | 3.5                   | 9.0                    | 6.6                | 9.0               | 5.8                  | 4.5                   |
| 10  | 3571011511 | Trịnh Hoài    | Son  | 3,93 | KEM      | 2.6                   | 1.5                 |                        | 3.5                     |                               | 1.8           | 6.0                     | 4.8                        | 4.8                      | 1.7           |                       | 1.4                      |                           | 4.7                      |                       | 5.0                    | 7.9                | 6.3               | 4.4                  | 4.2                   |
| 11  | 3571011512 | Nguyễn Thanh  | Hùng | 6,65 | TBKHA    | 3.8                   | 9.2                 | 7.2                    | 7.1                     | 7.0                           | 6.8           | 5.0                     | 7.3                        | 8.4                      | 7.5           |                       | 6.6                      | 8.0                       | 6.4                      | 4.4                   | 7.0                    | 7.4                | 8.3               | 7.8                  | 6.9                   |
| 12  | 3571011514 | Nguyễn Đình   | Hòa  | 4,76 | YEU      | 3.6                   | 4.3                 | 4.7                    | 4.1                     | 4.0                           | 3.1           | 6.0                     | 5.9                        | 3.8                      | 4.2           |                       | 5.7                      | 6.0                       | 5.0                      | 4.1                   | 5.2                    | 5.9                | 6.2               | 4.5                  | 4.5                   |
| 13  | 3571011516 | Nguyễn Xuân   | Huy  | 6,00 | TBKHA    | 2.6                   | 5.2                 | 5.4                    | 4.3                     | 6.0                           | 6.5           | 6.0                     | 6.7                        | 8.7                      | 7.2           |                       | 7.6                      | 6.0                       | 5.8                      | 1.6                   | 6.6                    | 6.2                | 7.7               | 5.9                  | 7.2                   |

|    |            |               |      |      |       | Thi nghiệm Vật lý đại cương (TC) | Hóa học đại cương (TC) | Thí nghiệm Hóa học đại cương (TC) | Toán ứng dụng 2 (TC) | Quy hoạch tuyến tính (TC) | Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản (TC) | Vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Đồ án vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Auto CAD căn bản (TC) | Cơ lý thuyết (TC) | Những nguyên lý CB của CN - MLN (TC) | Tư tưởng Hồ Chí Minh (TC) | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (TC) | Anh văn cơ bản (TC) | Anh văn TOEIC (TC) | Anh văn chuyên ngành cầu đường (TC) | Giáo dục thể chất 1 (TC) | Giáo dục thể chất 2 (TC) | Giáo dục thể chất 3 (TC) | Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự của |
|----|------------|---------------|------|------|-------|----------------------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
|    |            |               |      |      |       | 1.0                              | 3.0                    | 1.0                               | 3.0                  | 2.0                       | 2.0                                | 2.0                         | 1.0                               | 3.0                   | 4.0               | 5.0                                  | 2.0                       | 3.0                                    | 4.0                 | 4.0                | 2.0                                 | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                                          |
| 1  | 3571011465 | Nguyễn Hồ Anh | Ngọc | 7,04 | KHA   | 5.0                              | 6.9                    | 7.5                               | 5.6                  | 8.2                       | 6.5                                | 9.6                         | 9.0                               | 9.3                   | 6.1               | 6.3                                  | 7.1                       | 6.5                                    | 6.3                 | 6.1                | 4.6                                 | 8.0                      | 7.0                      | 9.0                      | 7.0                                          |
| 2  | 3571011468 | Phạm Văn      | Hà   | 4,97 | YEU   | 5.0                              | 1.7                    | 7.5                               | 5.1                  | 2.1                       | 5.0                                | 2.6                         | 5.0                               | 3.6                   | 4.0               | 5.0                                  | 6.3                       | 6.9                                    | 4.6                 | 4.0                | 4.2                                 | 5.0                      | 6.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 3  | 3571011471 | Trần Quang    | Nhật | 6,13 | TBKHA | 5.5                              | 6.6                    | 7.0                               | 5.9                  | 7.7                       | 6.4                                | 5.3                         | 8.5                               | 7.7                   | 5.7               | 5.6                                  | 6.0                       | 5.8                                    | 5.2                 | 5.8                | 4.3                                 | 6.0                      | 6.0                      | 7.0                      | 8.0                                          |
| 4  | 3571011481 | Châu Triệu    | Vỹ   | 4,27 | YEU   | 5.0                              | 1.7                    | 5.5                               | 3.6                  | 6.6                       | 1.1                                | 5.3                         | 4.0                               | 4.4                   | 2.8               | 3.9                                  | 4.6                       | 6.7                                    | 3.3                 | 4.0                | 6.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 5  | 3571011491 | Phạm Nhật     | Tân  | 6,77 | TBKHA | 5.0                              | 6.6                    | 7.0                               | 5.9                  | 7.4                       | 6.6                                | 6.7                         | 6.5                               | 10.0                  | 6.8               | 6.0                                  | 6.8                       | 6.3                                    | 5.5                 | 5.5                | 4.8                                 | 7.0                      | 7.0                      | 6.0                      | 7.0                                          |
| 6  | 3571011497 | Nguyễn Văn    | Ngà  | 5,63 | TB    | 5.0                              | 7.3                    | 6.0                               | 4.0                  | 5.6                       | 8.2                                | 00.0                        | 7.5                               | 7.4                   | 5.5               | 5.0                                  | 5.4                       | 6.7                                    | 5.8                 | 4.4                | 3.9                                 | 5.0                      | 7.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 7  | 3571011499 | Nguyễn Anh    | Tài  | 6,08 | TBKHA | 4.5                              | 7.6                    | 6.0                               | 5.0                  | 6.8                       | 7.5                                | 6.0                         | 8.0                               | 7.5                   | 4.9               | 6.7                                  | 6.0                       | 6.1                                    | 7.4                 | 5.0                | 6.5                                 | 5.0                      | 5.0                      | 6.0                      |                                              |
| 8  | 3571011503 | Đỗ Quang      | An   | 3,85 | KEM   | 4.3                              | 3.8                    | 7.5                               | 3.6                  | 5.4                       | 7.1                                | 7.9                         | 7.0                               | 00.0                  | 6.0               | 3.8                                  |                           |                                        | 5.2                 | 6.1                |                                     | 7.0                      | 5.0                      | 8.0                      |                                              |
| 9  | 3571011507 | Nguyễn Văn    | Biển | 6,50 | TBKHA | 4.5                              | 6.1                    | 7.5                               | 5.0                  | 6.3                       | 7.7                                | 7.7                         | 8.0                               | 9.2                   | 6.6               | 5.1                                  | 6.9                       | 6.5                                    | 6.5                 | 5.3                | 7.4                                 | 6.0                      | 6.0                      | 8.0                      | 7.0                                          |
| 10 | 3571011511 | Trịnh Hoài    | Son  | 3,93 | KEM   | 5.0                              | 4.3                    | 7.0                               | 2.1                  | 5.1                       | 8.3                                | 5.8                         | 3.0                               | 7.3                   | 3.1               | 2.4                                  |                           |                                        | 7.7                 | 4.6                | 4.8                                 | 7.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 11 | 3571011512 | Nguyễn Thanh  | Hùng | 6,65 | TBKHA | 5.0                              | 6.4                    | 6.5                               | 5.5                  | 8.4                       | 5.7                                | 6.3                         | 5.0                               | 8.9                   | 5.5               | 6.2                                  | 7.8                       | 6.2                                    | 5.1                 | 5.6                | 5.0                                 | 8.0                      | 7.0                      | 8.0                      | 7.0                                          |
| 12 | 3571011514 | Nguyễn Đình   | Hòa  | 4,76 | YEU   | 5.0                              | 3.3                    | 7.0                               | 1.9                  | 3.9                       | 4.5                                | 5.1                         | 5.0                               | 7.6                   | 6.1               | 3.8                                  | 6.8                       | 6.2                                    | 4.2                 | 3.9                | 3.9                                 | 5.0                      | 6.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 13 | 3571011516 | Nguyễn Xuân   | Huy  | 6,00 | TBKHA | 5.0                              | 8.3                    | 7.5                               | 4.8                  | 5.6                       | 5.0                                | 7.9                         | 5.0                               | 7.8                   | 6.4               | 5.9                                  | 6.5                       | 7.2                                    | 5.1                 | 4.8                | 4.4                                 | 5.0                      | 8.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |

|    |            |               |      |      |       | Giáo dục quốc phòng 2<br>(Công tác quốc phòng) | Giáo dục quốc phòng 3<br>(Kỹ thuật và chiến thuật) | Thực tập Hàn (TC) | Thi nghiệp SBVL<br>-VLXD (TC) | Thi nghiệp cơ học đất –<br>địa chất (TC) |
|----|------------|---------------|------|------|-------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|------------------------------------------|
|    |            |               |      |      |       | 2.0                                            | 5.0                                                | 1.0               | 1.0                           | 1.0                                      |
| 1  | 3571011465 | Nguyễn Hồ Anh | Ngọc | 7,04 | KHA   | 8.0                                            | 6.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 6.0                                      |
| 2  | 3571011468 | Phạm Văn      | Hà   | 4,97 | YEU   | 7.0                                            | 8.0                                                | 8.0               | 7.0                           | 5.0                                      |
| 3  | 3571011471 | Trần Quang    | Nhật | 6,13 | TBKHA | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 7.0                                      |
| 4  | 3571011481 | Châu Triệu    | Vỹ   | 4,27 | YEU   | 6.0                                            | 8.0                                                | 4.0               | 5.0                           | 5.0                                      |
| 5  | 3571011491 | Phạm Nhật     | Tân  | 6,77 | TBKHA | 7.0                                            | 6.0                                                | 5.0               | 7.0                           | 6.0                                      |
| 6  | 3571011497 | Nguyễn Văn    | Ngà  | 5,63 | TB    | 8.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 5.0                                      |
| 7  | 3571011499 | Nguyễn Anh    | Tài  | 6,08 | TBKHA |                                                |                                                    | 5.0               | 6.0                           | 7.0                                      |
| 8  | 3571011503 | Đỗ Quang      | An   | 3,85 | KEM   |                                                |                                                    |                   |                               |                                          |
| 9  | 3571011507 | Nguyễn Văn    | Biển | 6,50 | TBKHA | 7.0                                            | 9.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 9.0                                      |
| 10 | 3571011511 | Trịnh Hoài    | Sơn  | 3,93 | KEM   | 6.0                                            | 8.0                                                | 5.0               |                               |                                          |
| 11 | 3571011512 | Nguyễn Thanh  | Hùng | 6,65 | TBKHA | 8.0                                            | 8.0                                                | 7.0               | 8.0                           | 9.0                                      |
| 12 | 3571011514 | Nguyễn Đình   | Hòa  | 4,76 | YEU   | 6.0                                            | 8.0                                                | 7.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 13 | 3571011516 | Nguyễn Xuân   | Huy  | 6,00 | TBKHA | 7.0                                            | 8.0                                                | 5.0               | 7.0                           | 8.0                                      |

|    |            |              |       |      |       | Sức bền vật liệu (TC) | Cơ học kết cấu (TC) | Vật liệu xây dựng (TC) | Kết cấu công trình (TC) | Đồ án Kết cấu công trình (TC) | Trắc địa (TC) | Thực hành trắc địa (TC) | Cơ học đất – Địa chất (TC) | Thủy lực – Thủy văn (TC) | Nền móng (TC) | Đồ án Nền - Móng (TC) | Thiết kế Đường Ô-ô (TC) | Đồ án Thiết kế Đường (TC) | Phương pháp đại cương (TC) | Kinh tế xây dựng (TC) | Tin học đại cương (TC) | Điện kỹ thuật (TC) | Máy xây dựng (TC) | Toán ứng dụng 1 (TC) | Vật lý đại cương (TC) |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|-----------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
|    |            |              |       |      |       | 4.0                   | 4.0                 | 3.0                    | 4.0                     | 1.0                           | 3.0           | 2.0                     | 4.0                        | 2.0                      | 3.0           | 1.0                   | 4.0                     | 1.0                       | 2.0                        | 2.0                   | 3.0                    | 2.0                | 2.0               | 4.0                  | 4.0                   |
| 14 | 3571011522 | Nguyễn Huỳnh | Nhân  | 5,64 | TB    | 3,4                   | 7,9                 | 4,5                    | 7,5                     | 7,0                           | 7,2           | 6,0                     | 7,7                        | 8,2                      | 5,5           |                       | 5,3                     | 6,0                       | 6,5                        | 3,7                   | 8,6                    | 7,8                | 8,3               | 6,0                  | 6,5                   |
| 15 | 3571011529 | Vũ Phạm      | Tuân  | 4,69 | YEU   | 1,8                   | 1,0                 | 4,6                    | 6,7                     |                               | 0,7           | 7,0                     | 7,7                        | 4,2                      | 6,3           |                       | 4,8                     |                           | 4,8                        | 3,4                   | 6,8                    | 7,7                | 8,3               | 5,2                  | 5,1                   |
| 16 | 3571011541 | Nguyễn Ái    | Quân  | 2,17 | KEM   | 1,8                   | 5,5                 |                        |                         |                               | 3,7           |                         |                            | 4,7                      |               |                       |                         |                           | 4,3                        |                       | 1,2                    | 1,8                | 4,8               | 1,3                  | 3,7                   |
| 17 | 3571011546 | Nguyễn Thanh | Đềm   | 5,10 | TB    | 1,9                   | 1,9                 | 5,4                    | 6,6                     | 5,0                           | 4,1           | 6,0                     | 6,1                        | 7,0                      | 5,8           |                       | 5,5                     | 5,0                       | 6,0                        | 2,1                   | 5,6                    | 6,6                | 6,9               | 2,2                  | 4,1                   |
| 18 | 3571011560 | Đặng Trung   | Ngân  | 4,67 | YEU   |                       | 3,6                 | 5,1                    | 5,8                     |                               | 5,6           | 6,0                     | 4,5                        | 6,1                      | 7,0           |                       | 4,8                     |                           | 5,6                        | 2,7                   | 10,0                   | 5,4                | 6,2               | 5,2                  | 5,4                   |
| 19 | 3571011561 | Phan Tấn     | Đạt   | 6,47 | TBKHA | 5,5                   | 7,6                 | 6,7                    | 7,9                     | 8,0                           | 6,5           | 6,0                     | 6,1                        | 7,3                      | 7,7           |                       | 7,0                     | 5,0                       | 6,2                        | 1,6                   | 8,6                    | 9,4                | 8,3               | 7,5                  | 5,1                   |
| 20 | 3571011600 | Lại Văn      | Viên  | 5,06 | TB    | 3,5                   | 7,3                 | 5,3                    |                         |                               | 3,1           | 6,0                     |                            | 6,6                      |               |                       |                         |                           | 6,0                        |                       | 8,5                    | 6,1                | 3,4               | 5,6                  | 5,7                   |
| 21 | 3571011601 | Nguyễn Đức   | Tài   | 6,76 | TBKHA | 5,2                   | 8,6                 | 6,0                    | 7,5                     | 6,0                           | 6,5           | 8,0                     | 7,9                        | 8,4                      | 7,6           |                       | 6,4                     | 8,0                       | 6,9                        | 5,8                   | 5,6                    | 7,7                | 7,7               | 6,0                  | 4,8                   |
| 22 | 3571011607 | Hồ Lê Minh   | Tín   | 4,37 | YEU   | 1,8                   | 3,8                 | 3,9                    | 5,6                     | 7,0                           | 3,4           | 6,0                     | 7,5                        | 5,6                      | 4,2           |                       | 3,8                     | 6,0                       | 4,8                        | 3,7                   | 6,9                    | 3,0                | 7,0               | 2,1                  | 00,0                  |
| 23 | 3571011614 | Lê Phúc      | Đạt   | 6,26 | TBKHA | 4,1                   | 6,5                 | 5,2                    | 7,0                     | 7,0                           | 6,1           | 6,0                     | 7,9                        | 7,2                      | 8,0           |                       | 6,6                     | 8,0                       | 6,0                        | 0,6                   | 6,0                    | 7,2                | 8,3               | 5,9                  | 4,8                   |
| 24 | 3571011616 | Đinh Quốc    | Vương | 4,76 | YEU   | 2,6                   | 5,8                 | 5,2                    | 1,4                     | 4,0                           | 4,3           | 8,0                     | 8,8                        | 6,3                      | 2,2           |                       | 6,0                     | 5,0                       | 5,0                        | 0,6                   | 5,8                    | 5,4                | 8,3               | 2,7                  | 3,3                   |
| 25 | 3571011622 | Nguyễn Mạnh  | Công  | 5,44 | TB    | 3,2                   | 3,3                 | 5,2                    | 6,4                     | 4,0                           | 2,7           | 5,0                     | 6,4                        | 7,5                      | 5,5           |                       | 4,4                     | 5,0                       | 5,7                        | 2,5                   | 9,2                    | 5,4                | 8,3               | 6,0                  | 5,3                   |
| 26 | 3571011627 | Trương Hoàng | Hải   | 6,56 | TBKHA | 4,4                   | 6,9                 | 6,7                    | 6,8                     | 8,0                           | 6,9           | 6,0                     | 8,6                        | 7,3                      | 7,5           |                       | 5,9                     | 8,0                       | 6,6                        | 5,6                   | 7,6                    | 6,7                | 6,9               | 5,0                  | 6,0                   |
| 27 | 3571011629 | Nguyễn Ngọc  | Duy   | 5,76 | TB    | 4,0                   |                     | 5,2                    | 4,9                     | 4,0                           | 3,1           | 6,0                     | 8,3                        | 5,6                      | 6,5           |                       | 5,7                     | 4,0                       | 5,4                        | 1,3                   | 7,5                    | 7,3                | 8,3               | 5,1                  | 5,7                   |
| 28 | 3571011638 | Đặng Thành   | Trung | 6,64 | TBKHA | 3,7                   | 8,7                 | 5,7                    | 7,9                     | 8,0                           | 7,4           | 7,0                     | 7,0                        | 8,0                      | 7,6           |                       | 5,9                     | 7,0                       | 6,7                        | 4,1                   | 9,4                    | 5,7                | 8,3               | 6,4                  | 5,0                   |
| 29 | 3571011639 | Đinh Văn     | Thân  | 5,80 | TB    | 1,9                   | 6,4                 | 5,4                    | 7,2                     | 4,0                           | 6,7           | 7,0                     | 8,2                        | 8,6                      | 6,5           |                       | 7,9                     | 6,0                       | 5,6                        | 3,5                   | 5,4                    | 5,2                | 8,3               | 5,8                  | 4,5                   |
| 30 | 3571011641 | Đỗ Thế       | Anh   | 1,54 | KEM   | 2,0                   | 2,1                 |                        |                         |                               | 0,9           | 7,0                     |                            | 2,9                      |               |                       |                         |                           | 00,0                       |                       | 0,5                    | 1,5                | 5,6               | 0,6                  | 1,5                   |
| 31 | 3571011642 | Trần Minh    | Huy   | 5,25 | TB    | 4,5                   | 5,5                 | 5,0                    | 4,8                     | 4,0                           | 3,2           | 7,0                     | 6,9                        | 7,2                      | 4,6           |                       | 5,7                     | 4,0                       | 5,5                        | 2,7                   | 5,2                    | 7,0                | 6,2               | 5,2                  | 5,6                   |
| 32 | 3571011650 | Bùi Quốc     | Thi   | 6,25 | TBKHA | 4,4                   | 5,9                 | 5,3                    | 7,3                     | 8,0                           | 7,0           | 6,0                     | 8,6                        | 8,5                      | 7,6           |                       | 5,2                     | 6,0                       | 6,3                        | 3,2                   | 6,0                    | 7,4                | 8,3               | 5,5                  | 5,4                   |
| 33 | 3571011651 | Nguyễn Thành | Cương | 5,67 | TB    | 2,2                   | 6,5                 | 6,1                    | 5,1                     | 4,0                           | 6,8           | 5,0                     | 7,9                        | 5,8                      | 6,1           |                       | 4,1                     | 6,0                       | 5,1                        | 1,6                   | 5,9                    | 6,6                | 8,3               | 6,0                  | 6,5                   |

|    |            |              |       |      |       | Thí nghiệm Vật lý đại cương (TC) | Hóa học đại cương (TC) | Thí nghiệm Hóa học đại cương (TC) | Toán ứng dụng 2 (TC) | Quy hoạch tuyến tính (TC) | Hình học – Vẽ kỹ thuật cơ bản (TC) | Vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Bồ án vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Auto CAD căn bản (TC) | Cơ lý thuyết (TC) | Những nguyên lý CB của CN – MLN (TC) | Tư tưởng Hồ Chí Minh (TC) | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (TC) | Anh văn cơ bản (TC) | Anh văn TOEIC (TC) | Anh văn chuyên ngành cầu đường (TC) | Giáo dục thể chất 1 (TC) | Giáo dục thể chất 2 (TC) | Giáo dục thể chất 3 (TC) | Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự của |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|----------------------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
|    |            |              |       |      |       | 1.0                              | 3.0                    | 1.0                               | 3.0                  | 2.0                       | 2.0                                | 2.0                         | 1.0                               | 3.0                   | 4.0               | 5.0                                  | 2.0                       | 3.0                                    | 4.0                 | 4.0                | 2.0                                 | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                                          |
| 14 | 3571011522 | Nguyễn Huỳnh | Nhân  | 5,64 | TB    | 5.0                              | 6.3                    | 8.0                               | 00.0                 | 1.2                       | 6.8                                | 00.0                        | 00.0                              | 8.6                   | 2.1               | 4.1                                  | 6.1                       | 6.0                                    | 5.9                 | 5.3                | 3.6                                 | 7.0                      | 7.0                      | 5.0                      | 8.0                                          |
| 15 | 3571011529 | Vũ Phạm      | Tuân  | 4,69 | YEU   | 5.0                              | 8.1                    | 5.0                               | 3.9                  | 6.8                       | 6.5                                | 1.9                         | 4.0                               | 5.0                   | 2.8               |                                      |                           | 6.5                                    | 7.7                 | 5.4                | 6.2                                 | 5.0                      | 5.0                      | 9.0                      | 8.0                                          |
| 16 | 3571011541 | Nguyễn Ái    | Quân  | 2,17 | KEM   |                                  | 00.0                   | 6.5                               | 1.4                  | 1.4                       | 4.2                                | 00.0                        | 00.0                              | 1.4                   | 1.0               | 2.1                                  |                           |                                        | 5.2                 |                    |                                     | 7.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 17 | 3571011546 | Nguyễn Thanh | Đềem  | 5,10 | TB    | 5.0                              | 4.6                    | 8.0                               | 1.1                  | 7.0                       | 5.1                                | 6.6                         | 5.0                               | 3.0                   | 5.9               | 5.9                                  | 6.4                       | 6.4                                    | 7.2                 | 6.1                | 4.7                                 | 7.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 18 | 3571011560 | Đặng Trung   | Ngân  | 4,67 | YEU   | 5.0                              | 8.4                    | 7.0                               | 00.0                 | 5.1                       | 5.6                                | 00.0                        | 00.0                              | 7.5                   | 0.2               | 3.3                                  | 5.0                       | 5.3                                    | 5.9                 | 4.7                | 5.2                                 | 5.0                      | 6.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 19 | 3571011561 | Phan Tấn     | Đạt   | 6,47 | TBKHA | 5.0                              | 6.0                    | 8.0                               | 6.6                  | 8.2                       | 8.0                                | 8.2                         | 6.0                               | 7.6                   | 5.3               | 5.8                                  | 6.7                       | 6.0                                    | 4.8                 | 4.6                | 4.3                                 | 7.0                      | 6.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 20 | 3571011600 | Lại Văn      | Viên  | 5,06 | TB    | 5.3                              | 6.6                    | 8.5                               | 6.1                  | 8.4                       | 00.0                               | 00.0                        | 00.0                              | 7.5                   | 5.8               | 6.0                                  | 5.3                       |                                        | 4.5                 | 3.8                | 0.6                                 | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 21 | 3571011601 | Nguyễn Đức   | Tài   | 6,76 | TBKHA | 5.0                              | 7.1                    | 7.5                               | 5.5                  | 7.4                       | 6.1                                | 6.0                         | 7.0                               | 9.9                   | 6.0               | 7.1                                  | 6.7                       | 7.0                                    | 5.3                 | 7.1                | 5.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 10.0                     | 8.0                                          |
| 22 | 3571011607 | Hồ Lê Minh   | Tín   | 4,37 | YEU   |                                  | 00.0                   | 6.0                               | 00.0                 | 4.6                       | 5.4                                | 00.0                        | 00.0                              | 8.0                   | 00.0              | 6.1                                  | 4.9                       | 5.7                                    | 5.3                 | 4.2                | 6.4                                 | 7.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 23 | 3571011614 | Lê Phúc      | Đạt   | 6,26 | TBKHA | 5.0                              | 8.0                    | 7.5                               | 4.9                  | 5.6                       | 7.3                                | 7.3                         | 6.0                               | 8.7                   | 7.5               | 5.5                                  | 6.7                       | 6.5                                    | 5.2                 | 5.0                | 6.2                                 | 5.0                      | 6.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 24 | 3571011616 | Đình Quốc    | Vương | 4,76 | YEU   | 7.0                              | 6.7                    | 6.5                               | 2.8                  | 5.1                       | 3.0                                | 00.0                        | 00.0                              | 1.8                   | 4.9               | 5.7                                  | 6.5                       | 5.9                                    | 6.3                 | 4.3                | 4.3                                 | 5.0                      | 7.0                      | 6.0                      | 7.0                                          |
| 25 | 3571011622 | Nguyễn Mạnh  | Công  | 5,44 | TB    | 5.0                              | 5.3                    | 7.5                               | 3.6                  | 5.8                       | 7.7                                | 5.2                         | 5.0                               | 5.6                   | 3.9               | 6.1                                  | 5.1                       | 7.6                                    | 6.2                 | 4.6                | 6.4                                 | 7.0                      | 7.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 26 | 3571011627 | Trương Hoàng | Hải   | 6,56 | TBKHA | 5.0                              | 5.1                    | 7.5                               | 6.1                  | 7.3                       | 7.2                                | 7.0                         | 7.8                               | 9.9                   | 5.8               | 5.9                                  | 7.8                       | 6.3                                    | 5.3                 | 6.1                | 6.3                                 | 9.0                      | 6.0                      | 6.0                      | 8.0                                          |
| 27 | 3571011629 | Nguyễn Ngọc  | Duy   | 5,76 | TB    |                                  | 7.1                    | 6.0                               | 5.6                  | 9.4                       | 7.9                                | 6.8                         | 7.5                               | 9.7                   | 5.4               | 5.2                                  | 6.7                       | 6.5                                    | 4.4                 | 4.3                | 4.2                                 | 5.0                      | 8.0                      | 9.0                      | 8.0                                          |
| 28 | 3571011638 | Đặng Thành   | Trung | 6,64 | TBKHA | 5.3                              | 6.9                    | 7.5                               | 8.0                  | 6.9                       | 5.2                                | 7.9                         | 6.3                               | 9.2                   | 5.8               | 6.0                                  | 6.4                       | 6.3                                    | 5.8                 | 5.6                | 5.9                                 | 7.0                      | 7.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 29 | 3571011639 | Đình Văn     | Thân  | 5,80 | TB    | 5.0                              | 5.2                    | 6.0                               | 4.1                  | 6.8                       | 5.0                                | 6.0                         | 5.0                               | 6.1                   | 5.1               | 5.5                                  | 6.7                       | 7.0                                    | 5.3                 | 4.8                | 5.0                                 | 7.0                      | 8.0                      | 7.0                      | 8.0                                          |
| 30 | 3571011641 | Đỗ Thế       | Anh   | 1,54 | KEM   |                                  | 00.0                   | 7.5                               | 2.1                  | 1.2                       | 00.0                               | 00.0                        | 00.0                              | 00.0                  | 2.9               | 1.0                                  |                           |                                        | 0.6                 | 4.0                |                                     | 5.0                      | 6.0                      | 9.0                      | 6.0                                          |
| 31 | 3571011642 | Trần Minh    | Huy   | 5,25 | TB    | 5.0                              | 6.0                    | 6.0                               | 4.1                  | 6.4                       | 6.7                                | 5.0                         | 7.8                               | 2.2                   | 6.7               | 5.0                                  | 5.7                       | 6.2                                    | 4.3                 | 4.1                | 4.9                                 | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 32 | 3571011650 | Bùi Quốc     | Thì   | 6,25 | TBKHA | 5.7                              | 7.3                    | 7.5                               | 5.1                  | 7.0                       | 5.0                                | 8.5                         | 7.8                               | 5.1                   | 5.9               | 6.9                                  | 7.1                       | 6.8                                    | 5.2                 | 4.6                | 4.6                                 | 7.0                      | 8.0                      | 9.0                      | 8.0                                          |
| 33 | 3571011651 | Nguyễn Thành | Cương | 5,67 | TB    | 4.0                              | 5.7                    | 6.5                               | 3.6                  | 6.0                       | 6.7                                | 7.3                         | 6.0                               | 8.5                   | 5.0               | 5.2                                  | 6.0                       | 6.9                                    | 5.0                 | 5.1                | 5.0                                 | 7.0                      | 7.0                      | 8.0                      | 6.0                                          |

|    |            |              |       |      |       | Giáo dục quốc phòng 2<br>(Công tác quốc phòng) | Giáo dục quốc phòng 3<br>(Kỹ thuật và chiến thuật) | Thực tập Hàn (TC) | Thi nghiệm SBVL<br>-VLXD (TC) | Thi nghiệm cơ học đất –<br>địa chất (TC) |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|------------------------------------------|
|    |            |              |       |      |       | 2.0                                            | 5.0                                                | 1.0               | 1.0                           | 1.0                                      |
| 14 | 3571011522 | Nguyễn Huỳnh | Nhân  | 5,64 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 7.0                                      |
| 15 | 3571011529 | Vũ Phạm      | Tuân  | 4,69 | YEU   | 6.0                                            | 6.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 16 | 3571011541 | Nguyễn Ái    | Quân  | 2,17 | KEM   | 6.0                                            | 9.0                                                | 4.0               |                               |                                          |
| 17 | 3571011546 | Nguyễn Thanh | Đềm   | 5,10 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 7.0                                      |
| 18 | 3571011560 | Đặng Trung   | Ngân  | 4,67 | YEU   | 6.0                                            | 6.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 7.0                                      |
| 19 | 3571011561 | Phan Tấn     | Đạt   | 6,47 | TBKHA | 6.0                                            | 8.0                                                | 7.0               | 6.0                           | 5.0                                      |
| 20 | 3571011600 | Lại Văn      | Viên  | 5,06 | TB    | 4.0                                            | 8.0                                                | 5.0               |                               | 6.0                                      |
| 21 | 3571011601 | Nguyễn Đức   | Tài   | 6,76 | TBKHA | 4.0                                            | 9.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 9.0                                      |
| 22 | 3571011607 | Hồ Lê Minh   | Tín   | 4,37 | YEU   | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 23 | 3571011614 | Lê Phúc      | Đạt   | 6,26 | TBKHA | 8.0                                            | 9.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 6.0                                      |
| 24 | 3571011616 | Đình Quốc    | Vương | 4,76 | YEU   | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 3.0                           | 4.0                                      |
| 25 | 3571011622 | Nguyễn Mạnh  | Công  | 5,44 | TB    | 7.0                                            | 6.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 6.0                                      |
| 26 | 3571011627 | Trương Hoàng | Hải   | 6,56 | TBKHA | 7.0                                            | 9.0                                                | 8.0               | 7.0                           | 8.0                                      |
| 27 | 3571011629 | Nguyễn Ngọc  | Duy   | 5,76 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 5.0                                      |
| 28 | 3571011638 | Đặng Thành   | Trung | 6,64 | TBKHA | 8.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 6.0                                      |
| 29 | 3571011639 | Đình Văn     | Thân  | 5,80 | TB    | 8.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 30 | 3571011641 | Đỗ Thế       | Anh   | 1,54 | KEM   | 7.0                                            | 8.0                                                |                   |                               |                                          |
| 31 | 3571011642 | Trần Minh    | Huy   | 5,25 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 5.0                                      |
| 32 | 3571011650 | Bùi Quốc     | Thì   | 6,25 | TBKHA | 7.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 9.0                                      |
| 33 | 3571011651 | Nguyễn Thành | Cương | 5,67 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 6.0                                      |

|    |            |              |       |      |       | Sức bền vật liệu (TC) | Cơ học kết cấu (TC) | Vật liệu xây dựng (TC) | Kết cấu công trình (TC) | Đồ án Kết cấu công trình (TC) | Trắc địa (TC) | Thực hành trắc địa (TC) | Cơ học đất – Địa chất (TC) | Thủy lực – Thủy văn (TC) | Nền móng (TC) | Đồ án Nền - Móng (TC) | Thiết kế Đường Ô-ô (TC) | Đồ án Thiết kế Đường (TC) | Phương pháp đại cương (TC) | Kinh tế xây dựng (TC) | Tin học đại cương (TC) | Điện kỹ thuật (TC) | Máy xây dựng (TC) | Toán ứng dụng 1 (TC) | Vật lý đại cương (TC) |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|-----------------------|---------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------------|---------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
|    |            |              |       |      |       | 4.0                   | 4.0                 | 3.0                    | 4.0                     | 1.0                           | 3.0           | 2.0                     | 4.0                        | 2.0                      | 3.0           | 1.0                   | 4.0                     | 1.0                       | 2.0                        | 2.0                   | 3.0                    | 2.0                | 2.0               | 4.0                  | 4.0                   |
| 34 | 3571011657 | Đào Ngọc     | Tú    | 5,01 | TB    | 2.3                   | 2.0                 | 5.6                    | 5.6                     | 5.0                           | 4.3           | 7.0                     | 6.6                        | 8.0                      | 4.2           |                       | 5.0                     | 5.0                       | 5.2                        | 1.1                   | 5.9                    | 7.0                | 6.2               | 3.4                  | 5.5                   |
| 35 | 3571011662 | Đặng Tiến    | Đạt   | 5,39 | TB    | 4.5                   | 6.2                 | 5.3                    | 4.1                     | 4.0                           | 3.9           | 7.0                     | 5.9                        | 7.0                      | 4.8           |                       | 5.0                     |                           | 6.4                        | 1.3                   | 9.6                    | 5.4                | 7.0               | 5.7                  | 5.1                   |
| 36 | 3571011677 | Huỳnh Ngọc   | Phát  | 5,95 | TB    | 2.3                   | 7.9                 | 6.4                    | 7.2                     | 7.0                           | 3.4           | 6.0                     | 8.4                        | 6.4                      | 7.2           |                       | 6.4                     | 7.0                       | 6.0                        | 3.2                   | 6.9                    | 5.5                | 8.3               | 7.2                  | 5.6                   |
| 37 | 3571011681 | Đoàn Tấn     | Hung  | 5,90 | TB    | 3.7                   | 8.3                 | 5.5                    | 8.2                     | 7.0                           | 5.8           | 8.0                     | 7.3                        | 5.8                      | 5.5           |                       | 5.9                     | 8.0                       | 6.2                        | 3.5                   | 5.3                    | 5.4                | 8.3               | 4.6                  | 5.0                   |
| 38 | 3571011686 | Lý Quang     | Trung | 7,39 | KHA   | 5.2                   | 9.5                 | 7.6                    | 8.2                     | 8.0                           | 6.0           | 7.0                     | 8.7                        | 8.2                      | 7.0           |                       | 7.2                     | 6.0                       | 6.7                        | 6.0                   | 6.4                    | 7.7                | 9.0               | 9.1                  | 6.8                   |
| 39 | 3571011711 | Dương Hải    | Đặng  | 5,78 | TB    | 5.1                   | 7.0                 | 5.3                    | 6.1                     | 8.0                           | 4.1           | 6.0                     | 6.4                        | 7.7                      | 5.1           |                       | 6.3                     | 7.0                       | 5.9                        | 1.1                   | 6.3                    | 5.3                | 6.2               | 4.9                  | 5.8                   |
| 40 | 3571011712 | Lê Phước     | Nhân  | 6,10 | TBKHA | 4.7                   | 7.2                 | 5.5                    | 7.2                     | 8.0                           | 6.5           | 5.0                     | 7.2                        | 7.8                      | 6.7           |                       | 7.1                     | 6.0                       | 6.0                        | 3.7                   | 5.2                    | 5.3                | 8.3               | 5.0                  | 5.0                   |
| 41 | 3571011717 | Nguyễn Hữu   | Phụng | 5,82 | TB    | 3.3                   | 7.2                 | 4.8                    | 5.7                     | 4.0                           | 6.8           | 5.0                     | 8.0                        | 6.1                      | 6.1           |                       | 3.7                     | 5.0                       | 6.9                        | 4.6                   | 6.9                    | 5.7                | 7.6               | 6.4                  | 5.5                   |
| 42 | 3571011721 | Nguyễn       | Ngọc  | 5,51 | TB    | 1.8                   | 5.9                 | 4.5                    | 6.1                     | 4.0                           | 5.7           | 5.0                     | 8.7                        | 7.9                      | 4.9           |                       | 7.2                     | 5.0                       | 5.3                        | 2.1                   | 5.6                    | 5.1                | 6.2               | 6.9                  | 4.9                   |
| 43 | 3571011729 | Phan Tiến    | Điệp  | 3,93 | KEM   | 2.5                   | 5.8                 | 5.0                    |                         |                               | 2.7           |                         |                            | 4.9                      |               |                       |                         |                           | 5.7                        |                       | 7.1                    | 1.9                | 6.2               | 2.3                  | 4.3                   |
| 44 | 3571011744 | Lê Thanh     | Triều | 6,14 | TBKHA | 4.3                   | 4.9                 | 6.5                    | 7.0                     | 7.0                           | 6.1           | 7.0                     | 7.6                        | 7.3                      | 6.4           |                       | 7.9                     | 7.0                       | 5.5                        | 4.2                   | 8.3                    | 6.6                | 8.3               | 5.3                  | 5.1                   |
| 45 | 3571011749 | Phạm Thái    | Châu  | ,53  | KEM   |                       |                     |                        |                         |                               |               |                         |                            |                          |               |                       |                         |                           | 1.5                        |                       | 1.2                    |                    |                   | 0.9                  | 0.6                   |
| 46 | 3571011758 | Lê Đình      | Vượng | 5,11 | TB    | 3.3                   | 3.8                 | 5.0                    | 2.6                     | 4.0                           | 4.2           | 8.0                     | 7.6                        | 6.1                      | 2.7           |                       | 5.5                     |                           | 6.2                        | 4.2                   | 5.0                    | 7.3                | 6.2               | 5.1                  | 3.6                   |
| 47 | 3571011762 | Hà Anh       | Hoàng | 5,03 | TB    | 2.5                   | 5.5                 | 4.9                    | 5.2                     | 6.0                           | 2.4           | 7.0                     | 4.0                        | 4.7                      | 2.3           |                       |                         |                           | 4.5                        | 1.6                   | 7.9                    | 6.3                | 5.6               | 4.3                  | 5.5                   |
| 48 | 3571011770 | Phí Quang    | Tuấn  | 4,51 | YEU   | 1.8                   | 2.5                 | 4.0                    | 5.8                     | 6.0                           | 2.1           | 7.0                     | 8.0                        | 8.0                      | 2.2           |                       | 4.9                     | 5.0                       | 6.0                        | 2.5                   | 6.3                    | 4.0                | 5.6               | 4.0                  | 4.1                   |
| 49 | 3571011807 | Nguyễn Ngọc  | Son   | 5,82 | TB    | 2.4                   | 2.8                 | 5.7                    | 6.2                     | 5.0                           | 3.9           | 7.0                     | 5.6                        | 8.7                      | 6.6           |                       | 7.6                     | 7.0                       | 5.1                        | 4.4                   | 9.9                    | 5.7                | 8.4               | 5.7                  | 6.3                   |
| 50 | 3571011812 | Nguyễn Trọng | Tín   | 5,68 | TB    | 3.7                   | 3.4                 | 6.6                    | 7.0                     | 7.0                           | 4.1           | 6.0                     | 8.2                        | 7.0                      | 6.6           |                       | 5.3                     | 6.0                       | 6.2                        | 3.2                   | 7.1                    | 5.1                | 8.3               | 5.4                  | 4.8                   |
| 51 | 3571011824 | Trần Vĩnh    | Huy   | 5,06 | TB    | 4.3                   | 1.6                 | 3.6                    | 6.9                     | 5.0                           | 2.9           | 6.0                     | 7.2                        | 6.6                      | 3.2           |                       | 3.5                     |                           | 4.6                        | 1.4                   | 5.2                    | 3.8                | 7.6               | 5.8                  | 6.8                   |
| 52 | 3571011825 | Trịnh Hoài   | Vỹ    | 5,44 | TB    | 3.6                   | 7.6                 | 5.4                    | 5.4                     | 5.0                           | 3.6           | 6.0                     | 5.9                        | 5.9                      | 3.4           |                       | 5.5                     | 6.0                       | 7.8                        | 4.1                   | 6.7                    | 5.3                | 6.9               | 4.9                  | 6.1                   |
| 53 | 3571011840 | Nguyễn Huỳnh | Tùng  | 3,08 | KEM   | 2.7                   |                     |                        |                         |                               |               | 6.0                     |                            | 3.5                      |               |                       |                         |                           | 5.8                        |                       | 6.0                    | 0.2                | 4.1               | 00.0                 | 00.0                  |

|    |            |              |       |      |       | Thí nghiệm Vật lý đại cương (TC) | Hóa học đại cương (TC) | Thí nghiệm Hóa học đại cương (TC) | Toán ứng dụng 2 (TC) | Quy hoạch tuyến tính (TC) | Hình học – Vẽ kỹ thuật cơ bản (TC) | Vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Bồ án vẽ kỹ thuật công trình (TC) | Auto CAD căn bản (TC) | Cơ lý thuyết (TC) | Những nguyên lý CB của CN – MLN (TC) | Tư tưởng Hồ Chí Minh (TC) | Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (TC) | Anh văn cơ bản (TC) | Anh văn TOEIC (TC) | Anh văn chuyên ngành cầu đường (TC) | Giáo dục thể chất 1 (TC) | Giáo dục thể chất 2 (TC) | Giáo dục thể chất 3 (TC) | Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự của |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|----------------------------------|------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------|--------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------------------------|
|    |            |              |       |      |       | 1.0                              | 3.0                    | 1.0                               | 3.0                  | 2.0                       | 2.0                                | 2.0                         | 1.0                               | 3.0                   | 4.0               | 5.0                                  | 2.0                       | 3.0                                    | 4.0                 | 4.0                | 2.0                                 | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                      | 2.0                                          |
| 34 | 3571011657 | Đào Ngọc     | Tú    | 5,01 | TB    | 5.3                              | 5.8                    | 7.5                               | 0.7                  | 6.3                       | 5.8                                | 5.9                         | 5.0                               | 5.3                   | 3.7               | 5.7                                  | 6.4                       | 6.9                                    | 5.5                 | 4.7                | 4.2                                 | 7.0                      | 7.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 35 | 3571011662 | Đặng Tiến    | Đạt   | 5,39 | TB    | 5.0                              | 5.3                    | 8.0                               | 2.6                  | 5.3                       | 5.1                                | 6.7                         | 7.0                               | 7.5                   | 7.2               | 4.7                                  | 5.7                       | 6.3                                    | 4.0                 | 4.4                | 5.4                                 | 5.0                      | 6.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 36 | 3571011677 | Huỳnh Ngọc   | Phát  | 5,95 | TB    | 5.0                              | 6.2                    | 8.0                               | 5.3                  | 6.4                       | 7.2                                | 6.7                         | 5.0                               | 4.1                   | 5.5               | 5.4                                  | 6.8                       | 5.7                                    | 4.8                 | 5.0                | 3.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 9.0                      | 7.0                                          |
| 37 | 3571011681 | Đoàn Tấn     | Hùng  | 5,90 | TB    | 5.0                              | 5.3                    | 7.5                               | 4.5                  | 6.3                       | 6.2                                | 5.9                         | 4.5                               | 8.4                   | 5.3               | 5.7                                  | 6.1                       | 6.5                                    | 5.7                 | 4.0                | 3.5                                 | 6.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 7.0                                          |
| 38 | 3571011686 | Lý Quang     | Trung | 7,39 | KHA   | 7.0                              | 6.9                    | 7.5                               | 7.6                  | 9.3                       | 9.6                                | 9.1                         | 6.8                               | 9.3                   | 7.8               | 6.2                                  | 7.1                       | 6.7                                    | 6.4                 | 6.8                | 5.2                                 | 7.0                      | 6.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 39 | 3571011711 | Dương Hải    | Đăng  | 5,78 | TB    | 5.0                              | 7.0                    | 7.5                               | 2.7                  | 4.5                       | 7.3                                | 7.1                         | 7.0                               | 7.2                   | 5.0               | 5.7                                  | 6.6                       | 7.2                                    | 5.9                 | 4.7                | 4.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 8.0                      | 8.0                                          |
| 40 | 3571011712 | Lê Phước     | Nhân  | 6,10 | TBKHA | 5.0                              | 8.0                    | 6.5                               | 5.7                  | 5.2                       | 5.5                                | 6.2                         | 7.0                               | 9.9                   | 5.2               | 5.2                                  | 7.5                       | 6.0                                    | 4.6                 | 5.3                | 5.3                                 | 7.0                      | 6.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 41 | 3571011717 | Nguyễn Hữu   | Phụng | 5,82 | TB    | 5.5                              | 6.5                    | 6.0                               | 4.9                  | 5.6                       | 6.1                                | 5.8                         | 7.0                               | 7.7                   | 5.5               | 5.8                                  | 4.9                       | 6.7                                    | 5.1                 | 5.6                | 3.9                                 | 5.0                      | 6.0                      | 7.0                      | 8.0                                          |
| 42 | 3571011721 | Nguyễn       | Ngọc  | 5,51 | TB    | 5.0                              | 6.6                    | 6.5                               | 3.4                  | 5.7                       | 5.2                                | 5.6                         | 6.0                               | 8.0                   | 5.3               | 5.4                                  | 5.9                       | 6.0                                    | 4.8                 | 4.6                | 4.9                                 | 6.0                      | 6.0                      | 6.0                      | 8.0                                          |
| 43 | 3571011729 | Phan Tiến    | Điệp  | 3,93 | KEM   | 5.0                              | 3.2                    | 6.5                               | 2.5                  | 4.9                       | 3.6                                | 1.5                         | 00.0                              | 7.3                   | 4.1               | 5.0                                  | 4.1                       |                                        | 4.3                 | 4.2                |                                     | 5.0                      | 7.0                      | 6.0                      | 7.0                                          |
| 44 | 3571011744 | Lê Thanh     | Triều | 6,14 | TBKHA | 5.3                              | 5.9                    | 7.5                               | 4.8                  | 5.0                       | 5.3                                | 6.4                         | 5.0                               | 7.0                   | 5.8               | 6.2                                  | 6.1                       | 6.7                                    | 5.1                 | 5.5                | 5.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 10.0                     | 8.0                                          |
| 45 | 3571011749 | Phạm Thái    | Châu  | ,53  | KEM   | 4.0                              | 0.8                    | 7.5                               | 00.0                 | 00.0                      | 1.2                                | 00.0                        | 00.0                              | 00.0                  | 00.0              |                                      |                           |                                        | 1.4                 |                    |                                     | 6.0                      | 5.0                      | 5.0                      |                                              |
| 46 | 3571011758 | Lê Đình      | Vượng | 5,11 | TB    | 6.0                              | 7.4                    | 6.0                               | 4.6                  | 7.0                       | 7.0                                | 6.1                         | 6.0                               | 5.9                   | 5.8               | 5.0                                  | 5.7                       | 6.8                                    | 4.2                 | 4.0                | 4.4                                 | 7.0                      | 7.0                      | 9.0                      | 8.0                                          |
| 47 | 3571011762 | Hà Anh       | Hoàng | 5,03 | TB    | 4.0                              | 4.3                    | 5.5                               | 2.5                  | 6.3                       | 7.3                                | 8.5                         | 6.3                               | 7.1                   | 5.4               | 5.7                                  | 5.7                       | 6.2                                    | 6.3                 | 4.3                | 3.7                                 | 6.0                      | 6.0                      | 5.0                      | 8.0                                          |
| 48 | 3571011770 | Phí Quang    | Tuấn  | 4,51 | YEU   | 5.0                              | 00.0                   | 5.5                               | 2.1                  | 5.1                       | 5.3                                | 5.0                         | 4.5                               | 1.8                   | 3.8               | 4.7                                  | 6.0                       | 6.2                                    | 5.8                 | 4.5                | 5.6                                 | 5.0                      | 7.0                      | 10.0                     | 7.0                                          |
| 49 | 3571011807 | Nguyễn Ngọc  | Son   | 5,82 | TB    | 5.0                              | 5.5                    | 7.5                               | 6.4                  | 8.4                       | 6.5                                | 5.6                         | 7.0                               | 5.4                   | 5.0               | 5.8                                  | 5.1                       | 6.3                                    | 5.5                 | 4.5                | 5.3                                 | 5.0                      | 7.0                      | 9.0                      | 7.0                                          |
| 50 | 3571011812 | Nguyễn Trọng | Tín   | 5,68 | TB    | 5.0                              | 4.8                    | 5.0                               | 5.5                  | 7.6                       | 6.0                                | 6.6                         | 6.5                               | 9.1                   | 2.1               | 5.5                                  | 6.8                       | 6.0                                    | 6.1                 | 4.2                | 5.6                                 | 7.0                      | 5.0                      | 5.0                      | 8.0                                          |
| 51 | 3571011824 | Trần Vĩnh    | Huy   | 5,06 | TB    | 5.5                              | 7.6                    | 6.5                               | 4.5                  | 5.9                       | 7.7                                | 8.0                         | 8.0                               | 7.0                   | 3.6               | 5.1                                  | 6.1                       | 6.0                                    | 3.5                 | 3.8                | 4.6                                 | 5.0                      | 7.0                      | 9.0                      | 8.0                                          |
| 52 | 3571011825 | Trịnh Hoài   | Vỹ    | 5,44 | TB    | 6.0                              | 6.0                    | 5.5                               | 3.5                  | 6.0                       | 7.3                                | 6.8                         | 8.0                               | 6.5                   | 4.3               | 5.2                                  | 6.5                       | 5.7                                    | 4.2                 | 4.9                | 3.7                                 | 7.0                      | 7.0                      | 7.0                      | 7.0                                          |
| 53 | 3571011840 | Nguyễn Huỳnh | Tùng  | 3,08 | KEM   |                                  | 1.3                    |                                   | 1.5                  | 3.0                       |                                    | 1.0                         | 00.0                              | 3.7                   | 4.5               | 2.1                                  | 4.2                       |                                        | 6.5                 | 6.0                |                                     |                          |                          |                          |                                              |

|    |            |              |       |      |       | Giáo dục quốc phòng 2<br>(Công tác quốc phòng) | Giáo dục quốc phòng 3<br>(Kỹ thuật và chiến thuật) | Thực tập Hàn (TC) | Thi nghiệm SBVL<br>-VLXD (TC) | Thi nghiệm cơ học đất –<br>địa chất (TC) |
|----|------------|--------------|-------|------|-------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------|------------------------------------------|
|    |            |              |       |      |       | 2.0                                            | 5.0                                                | 1.0               | 1.0                           | 1.0                                      |
| 34 | 3571011657 | Đào Ngọc     | Tú    | 5,01 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 7.0                                      |
| 35 | 3571011662 | Đặng Tiến    | Đạt   | 5,39 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 8.0               | 6.0                           | 3.0                                      |
| 36 | 3571011677 | Huỳnh Ngọc   | Phát  | 5,95 | TB    | 8.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 7.0                                      |
| 37 | 3571011681 | Đoàn Tấn     | Hùng  | 5,90 | TB    | 8.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 8.0                                      |
| 38 | 3571011686 | Lý Quang     | Trung | 7,39 | KHA   | 8.0                                            | 6.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 7.0                                      |
| 39 | 3571011711 | Dương Hải    | Đăng  | 5,78 | TB    | 8.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 8.0                                      |
| 40 | 3571011712 | Lê Phước     | Nhân  | 6,10 | TBKHA | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 7.0                                      |
| 41 | 3571011717 | Nguyễn Hữu   | Phụng | 5,82 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 7.0               | 7.0                           | 6.0                                      |
| 42 | 3571011721 | Nguyễn       | Ngọc  | 5,51 | TB    | 8.0                                            | 8.0                                                | 4.0               | 5.0                           | 6.0                                      |
| 43 | 3571011729 | Phan Tiến    | Diệp  | 3,93 | KEM   | 8.0                                            | 8.0                                                | 7.0               |                               |                                          |
| 44 | 3571011744 | Lê Thanh     | Triều | 6,14 | TBKHA | 7.0                                            | 9.0                                                | 6.0               | 8.0                           | 7.0                                      |
| 45 | 3571011749 | Phạm Thái    | Châu  | ,53  | KEM   |                                                |                                                    |                   |                               |                                          |
| 46 | 3571011758 | Lê Đình      | Vượng | 5,11 | TB    | 7.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 3.0                           | 7.0                                      |
| 47 | 3571011762 | Hà Anh       | Hoàng | 5,03 | TB    | 6.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 7.0                           | 7.0                                      |
| 48 | 3571011770 | Phí Quang    | Tuấn  | 4,51 | YEU   | 4.0                                            | 8.0                                                | 5.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 49 | 3571011807 | Nguyễn Ngọc  | Son   | 5,82 | TB    | 7.0                                            | 9.0                                                | 5.0               | 7.0                           | 8.0                                      |
| 50 | 3571011812 | Nguyễn Trọng | Tín   | 5,68 | TB    | 6.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 51 | 3571011824 | Trần Vĩnh    | Huy   | 5,06 | TB    | 4.0                                            | 8.0                                                | 6.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 52 | 3571011825 | Trịnh Hoài   | Vỹ    | 5,44 | TB    | 6.0                                            | 8.0                                                | 5.0               | 6.0                           | 6.0                                      |
| 53 | 3571011840 | Nguyễn Huỳnh | Tùng  | 3,08 | KEM   |                                                |                                                    | 5.0               |                               |                                          |

